

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ PHÚC KHẢO THI BÀI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
ĐỢT THI 1 - HK1/25-26 K22,23,24 HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026**

TT	Ngày đăng ký	Mã SV	Lớp	Mã học phần	Tên học phần
1	20/01/2026	415210081	21CNTDL01	2090180	Triết học Mác - Lênin
2	20/01/2026	411220007	22CNA01	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
3	20/01/2026	411220042	22CNA02	4112972	Giao thoa văn hóa
4	20/01/2026	411220069	22CNA02	4112972	Giao thoa văn hóa
5	23/01/2026	411220080	22CNA03	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
6	23/01/2026	411220101	22CNA03	4113143	Biên dịch 3
7	20/01/2026	411220148	22CNA04	4113053	Biên dịch 1
8	20/01/2026	411220148	22CNA04	4113143	Biên dịch 3
9	20/01/2026	411220148	22CNA04	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
10	20/01/2026	411220152	22CNA04	4113143	Biên dịch 3
11	20/01/2026	411220171	22CNA05	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
12	22/01/2026	411220178	22CNA05	4113143	Biên dịch 3
13	22/01/2026	411220188	22CNA05	4113053	Biên dịch 1
14	20/01/2026	411220189	22CNA05	4113143	Biên dịch 3
15	20/01/2026	411220238	22CNA07	4115630	Tư duy phản biện
16	22/01/2026	411220240	22CNA07	4113053	Biên dịch 1
17	20/01/2026	411220244	22CNA07	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
18	20/01/2026	411220248	22CNA07	4112972	Giao thoa văn hóa
19	20/01/2026	411220248	22CNA07	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
20	20/01/2026	411220254	22CNA07	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
21	20/01/2026	411220257	22CNA07	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
22	23/01/2026	411220260	22CNA07	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
23	20/01/2026	411220282	22CNA08	4112972	Giao thoa văn hóa
24	20/01/2026	411220340	22CNA09	4113143	Biên dịch 3
25	21/01/2026	411220368	22CNA10	4113153	Phiên dịch 3
26	22/01/2026	411220373	22CNA10	4112972	Giao thoa văn hóa
27	23/01/2026	411220375	22CNA10	4113143	Biên dịch 3

28	23/01/2026	411220375	22CNA10	4113153	Phiên dịch 3
29	22/01/2026	411220376	22CNA10	4112972	Giao thoa văn hóa
30	20/01/2026	411220388	22CNACLC01	2090190	Triết học Mác - Lênin
31	20/01/2026	411220391	22CNACLC01	4113573	Biên dịch 1
32	21/01/2026	411220393	22CNACLC01	2090212	Chủ nghĩa xã hội khoa học
33	20/01/2026	411220401	22CNACLC01	4113303	Phiên dịch 3
34	20/01/2026	411220401	22CNACLC01	4112833	Văn học Anh
35	20/01/2026	411220401	22CNACLC01	4113320	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
36	20/01/2026	411220442	22CNACLC03	4112813	Biên dịch 3
37	20/01/2026	412220023	22CNADL01	4122372	Biên dịch 3
38	20/01/2026	412220023	22CNADL01	4122382	Phiên dịch 3
39	22/01/2026	412220024	22CNADL01	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
40	20/01/2026	412220051	22CNADL02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
41	22/01/2026	412220052	22CNADL02	4122543	Tâm lý khách du lịch
42	22/01/2026	412220053	22CNADL02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
43	23/01/2026	412220083	22CNADLCLC01	4123480	Quản trị học
44	20/01/2026	412220085	22CNADLCLC01	4123480	Quản trị học
45	21/01/2026	412220092	22CNADLCLC01	4123470	Marketing trong ngành du lịch
46	23/01/2026	412220101	22CNADLCLC01	4123440	Phiên dịch 3
47	21/01/2026	412220101	22CNADLCLC01	4123480	Quản trị học
48	22/01/2026	412220110	22CNATM01	4120363	Ngữ dụng học
49	22/01/2026	412220110	22CNATM01	4122313	Tiếng Anh thương mại 3
50	22/01/2026	412220110	22CNATM01	4122363	Thư tín thương mại
51	22/01/2026	412220110	22CNATM01	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
52	20/01/2026	412220123	22CNATM01	4122352	Thanh toán quốc tế
53	20/01/2026	412220124	22CNATM01	4122352	Thanh toán quốc tế
54	22/01/2026	412220125	22CNATM01	4120363	Ngữ dụng học
55	20/01/2026	412220174	22CNATM02	4120363	Ngữ dụng học
56	20/01/2026	412220174	22CNATM02	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
57	20/01/2026	412220200	22CNATMCLC01	2090212	Chủ nghĩa xã hội khoa học
58	23/01/2026	412220201	22CNATMCLC01	2090212	Chủ nghĩa xã hội khoa học
59	20/01/2026	412220203	22CNATMCLC01	4122633	Tiếng Anh thương mại 3
60	20/01/2026	412220204	22CNATMCLC01	2090212	Chủ nghĩa xã hội khoa học
61	21/01/2026	412220256	22CNATMCLC03	2090190	Triết học Mác - Lênin

62	23/01/2026	412220259	22CNATMCLC03	2090190	Triết học Mác - Lênin
63	22/01/2026	412220273	22CNATMCLC04	2120040	Tư tưởng Hồ Chí Minh
64	22/01/2026	412220273	22CNATMCLC04	4122983	Biên dịch 3
65	20/01/2026	412220296	22CNATMĐT01	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
66	22/01/2026	412220300	22CNATMĐT01	4122372	Biên dịch 3
67	20/01/2026	412220328	22CNATMĐT01	4122363	Thư tín thương mại
68	20/01/2026	416220057	22CNDPH01	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
69	20/01/2026	417220006	22CNH01	4211763	Thực hành dịch viết Việt - Hàn 2
70	20/01/2026	417220199	22CNJ02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
71	23/01/2026	417220211	22CNJCLC01	4174360	Biên dịch Quan hệ quốc tế
72	20/01/2026	417220238	22CNJTM01	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
73	20/01/2026	414220001	22CNN01	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
74	20/01/2026	414220049	22CNNDL01	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
75	22/01/2026	414220057	22CNNDL01	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
76	20/01/2026	413220035	22CNPDL01	4131273	Tâm lý khách du lịch
77	20/01/2026	413220035	22CNPDL01	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
78	22/01/2026	413220065	22CNPTTSK01	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
79	20/01/2026	413220068	22CNPTTSK01	4131713	Dịch tin tức
80	20/01/2026	413220068	22CNPTTSK01	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
81	20/01/2026	413220080	22CNPTTSK01	4131713	Dịch tin tức
82	23/01/2026	413220080	22CNPTTSK01	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
83	23/01/2026	416220133	22CNQTH01	4160303	Lý luận quan hệ quốc tế
84	20/01/2026	416220143	22CNQTH02	4160303	Lý luận quan hệ quốc tế
85	20/01/2026	416220143	22CNQTH02	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
86	20/01/2026	416220143	22CNQTH02	4163413	Luật nhân đạo quốc tế
87	20/01/2026	416220143	22CNQTH02	4168070	Biên dịch chuyên ngành
88	20/01/2026	415220001	22CNT01	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
89	20/01/2026	415220001	22CNT01	4154470	Viết cao cấp
90	23/01/2026	415220173	22CNT01	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
91	23/01/2026	415220173	22CNT01	4153562	Ngữ pháp tiếng Trung 1
92	22/01/2026	415220042	22CNTDL01	4154470	Viết cao cấp
93	22/01/2026	415220068	22CNTDL01	4154470	Viết cao cấp
94	23/01/2026	415220121	22CNTDL01	4121702	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)
95	21/01/2026	415220169	22CNTDL01	4154470	Viết cao cấp

96	23/01/2026	415220154	22CNTTM01	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
97	20/01/2026	411230062	23CNA01	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
98	22/01/2026	411230071	23CNA01	4112812	Văn hóa Anh
99	23/01/2026	411230074	23CNA02	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
100	23/01/2026	411230074	23CNA02	4112812	Văn hóa Anh
101	21/01/2026	411230077	23CNA02	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
102	23/01/2026	411230077	23CNA02	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
103	21/01/2026	411230077	23CNA02	4112812	Văn hóa Anh
104	21/01/2026	411230077	23CNA02	4113603	Dẫn nhập ngữ nghĩa học tiếng Anh
105	21/01/2026	411230077	23CNA02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
106	23/01/2026	411230078	23CNA02	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
107	21/01/2026	411230078	23CNA02	4112812	Văn hóa Anh
108	21/01/2026	411230078	23CNA02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
109	20/01/2026	411230079	23CNA02	4112812	Văn hóa Anh
110	20/01/2026	411230079	23CNA02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
111	23/01/2026	411230085	23CNA02	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
112	20/01/2026	411230096	23CNA02	4112812	Văn hóa Anh
113	21/01/2026	411230122	23CNA03	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
114	20/01/2026	411230130	23CNA03	4112812	Văn hóa Anh
115	20/01/2026	411230130	23CNA03	4112842	Dẫn nhập phong cách học tiếng Anh
116	22/01/2026	411230131	23CNA03	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
117	20/01/2026	411230138	23CNA03	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
118	20/01/2026	411230150	23CNA03	4113053	Biên dịch 1
119	23/01/2026	411230181	23CNA04	4112812	Văn hóa Anh
120	23/01/2026	411230181	23CNA04	4112842	Dẫn nhập phong cách học tiếng Anh
121	20/01/2026	411230185	23CNA04	4210932	Ngoại ngữ II.2 (Hàn Quốc)
122	22/01/2026	411230185	23CNA04	4113053	Biên dịch 1
123	22/01/2026	411230185	23CNA04	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
124	20/01/2026	411230187	23CNA04	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
125	22/01/2026	411230193	23CNA05	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
126	23/01/2026	411230194	23CNA05	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
127	23/01/2026	411230194	23CNA05	4112812	Văn hóa Anh
128	20/01/2026	411230199	23CNA05	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
129	22/01/2026	411230209	23CNA05	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

130	20/01/2026	411230211	23CNA05	4112852	Lý thuyết dịch
131	22/01/2026	411230213	23CNA05	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
132	20/01/2026	411230220	23CNA05	4113053	Biên dịch 1
133	23/01/2026	411230241	23CNA06	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
134	23/01/2026	411230241	23CNA06	4112812	Văn hóa Anh
135	20/01/2026	411230244	23CNA06	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
136	20/01/2026	411230270	23CNA07	4113063	Phiên dịch 1
137	20/01/2026	411230282	23CNA07	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
138	20/01/2026	411230282	23CNA07	4113613	Dẫn nhập từ vựng học tiếng Anh
139	22/01/2026	411230289	23CNA07	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
140	20/01/2026	411230290	23CNA07	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
141	20/01/2026	411230290	23CNA07	4113053	Biên dịch 1
142	20/01/2026	411230290	23CNA07	4113613	Dẫn nhập từ vựng học tiếng Anh
143	20/01/2026	411230302	23CNA07	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
144	20/01/2026	411230306	23CNA07	4113053	Biên dịch 1
145	20/01/2026	411230306	23CNA07	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
146	20/01/2026	411220291	23CNA08	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
147	21/01/2026	411230308	23CNA08	4113063	Phiên dịch 1
148	21/01/2026	411230313	23CNA08	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
149	20/01/2026	411230314	23CNA08	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
150	20/01/2026	411230319	23CNA08	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
151	23/01/2026	411230319	23CNA08	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
152	20/01/2026	411230319	23CNA08	4112812	Văn hóa Anh
153	20/01/2026	411230319	23CNA08	4112842	Dẫn nhập phong cách học tiếng Anh
154	20/01/2026	411230319	23CNA08	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
155	22/01/2026	411230331	23CNA08	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
156	22/01/2026	411230331	23CNA08	4112842	Dẫn nhập phong cách học tiếng Anh
157	20/01/2026	411230345	23CNA08	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
158	20/01/2026	411230346	23CNA09	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
159	20/01/2026	411230346	23CNA09	4210922	Ngoại ngữ II.1 (Hàn Quốc)
160	22/01/2026	411230351	23CNA09	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
161	21/01/2026	411230361	23CNA09	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
162	20/01/2026	411230363	23CNA09	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
163	20/01/2026	411230364	23CNA09	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2

164	20/01/2026	411230364	23CNA09	4112852	Lý thuyết dịch
165	20/01/2026	411230369	23CNA09	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
166	23/01/2026	411230369	23CNA09	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
167	22/01/2026	411230369	23CNA09	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
168	21/01/2026	411230372	23CNA09	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
169	20/01/2026	411230372	23CNA09	4112842	Dẫn nhập phong cách học tiếng Anh
170	22/01/2026	411230372	23CNA09	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
171	20/01/2026	411230374	23CNA09	4112812	Văn hóa Anh
172	21/01/2026	411230377	23CNA09	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
173	21/01/2026	411230377	23CNA09	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
174	22/01/2026	411230382	23CNA09	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
175	22/01/2026	411230382	23CNA09	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
176	22/01/2026	411230382	23CNA09	4112812	Văn hóa Anh
177	20/01/2026	411230396	23CNA10	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
178	20/01/2026	411230400	23CNA10	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
179	20/01/2026	411230400	23CNA10	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
180	20/01/2026	411230400	23CNA10	4113053	Biên dịch 1
181	20/01/2026	411230406	23CNA10	4112972	Giao thoa văn hóa
182	21/01/2026	411230432	23CNA11	4112812	Văn hóa Anh
183	21/01/2026	411230440	23CNA11	4112842	Dẫn nhập phong cách học tiếng Anh
184	20/01/2026	411230441	23CNA11	4113053	Biên dịch 1
185	20/01/2026	411230448	23CNA11	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
186	20/01/2026	411230463	23CNA12	4113063	Phiên dịch 1
187	20/01/2026	411230463	23CNA12	4113603	Dẫn nhập ngữ nghĩa học tiếng Anh
188	22/01/2026	411230471	23CNA12	4112812	Văn hóa Anh
189	22/01/2026	411230471	23CNA12	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
190	20/01/2026	411230476	23CNA12	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
191	20/01/2026	411230478	23CNA12	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
192	20/01/2026	411230478	23CNA12	4113613	Dẫn nhập từ vựng học tiếng Anh
193	20/01/2026	411230478	23CNA12	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
194	20/01/2026	411230497	23CNA12	4113053	Biên dịch 1
195	20/01/2026	411230497	23CNA12	4113603	Dẫn nhập ngữ nghĩa học tiếng Anh
196	20/01/2026	411230499	23CNA12	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
197	23/01/2026	411230501	23CNA13	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2

198	23/01/2026	411230501	23CNA13	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
199	22/01/2026	411230516	23CNA13	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
200	20/01/2026	411230532	23CNA13	4113053	Biên dịch 1
201	20/01/2026	411230536	23CNA13	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
202	20/01/2026	411230536	23CNA13	4112812	Văn hóa Anh
203	20/01/2026	411230550	23CNA14	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
204	23/01/2026	411230561	23CNA14	4112812	Văn hóa Anh
205	20/01/2026	411230561	23CNA14	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
206	20/01/2026	411230562	23CNA14	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
207	20/01/2026	411230567	23CNA14	4113053	Biên dịch 1
208	22/01/2026	411230598	23CNA15	4111921	Kỹ năng tiếng C1.1
209	21/01/2026	411230598	23CNA15	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
210	22/01/2026	411230611	23CNA15	4111931	Kỹ năng tiếng C1.2
211	22/01/2026	411230611	23CNA15	4112812	Văn hóa Anh
212	22/01/2026	411230611	23CNA15	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
213	22/01/2026	412230006	23CNADL01	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
214	22/01/2026	412230006	23CNADL01	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
215	20/01/2026	412230011	23CNADL01	4123040	Kỹ năng tiếng C1.1
216	20/01/2026	412230012	23CNADL01	4122483	Tiếng Anh du lịch 2
217	20/01/2026	412230013	23CNADL01	4121832	Kỹ năng tiếng C1.2
218	20/01/2026	412230013	23CNADL01	4121832	Kỹ năng tiếng C1.2
219	20/01/2026	412230013	23CNADL01	4123040	Kỹ năng tiếng C1.1
220	22/01/2026	412230020	23CNADL01	4121832	Kỹ năng tiếng C1.2
221	22/01/2026	412230020	23CNADL01	4121832	Kỹ năng tiếng C1.2
222	20/01/2026	412230025	23CNADL01	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
223	20/01/2026	412230025	23CNADL01	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
224	22/01/2026	412230026	23CNADL01	4123040	Kỹ năng tiếng C1.1
225	20/01/2026	412230038	23CNADL01	4122483	Tiếng Anh du lịch 2
226	20/01/2026	412230038	23CNADL01	4123040	Kỹ năng tiếng C1.1
227	20/01/2026	412230060	23CNADL02	4123040	Kỹ năng tiếng C1.1
228	22/01/2026	412230064	23CNADL02	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
229	20/01/2026	412230070	23CNADL02	4122483	Tiếng Anh du lịch 2
230	20/01/2026	412230078	23CNADL02	2090180	Triết học Mác - Lênin
231	21/01/2026	412230084	23CNADL03	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh

232	20/01/2026	412230085	23CNADL03	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
233	20/01/2026	412230085	23CNADL03	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
234	20/01/2026	412230089	23CNADL03	4122282	Phiên dịch 1
235	20/01/2026	412230101	23CNADL03	4122483	Tiếng Anh du lịch 2
236	20/01/2026	412230101	23CNADL03	4123040	Kỹ năng tiếng C1.1
237	22/01/2026	412230105	23CNADL03	4121322	Biên dịch 1
238	22/01/2026	412230105	23CNADL03	4123040	Kỹ năng tiếng C1.1
239	22/01/2026	412230105	23CNADL03	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
240	21/01/2026	412230107	23CNADL03	4122483	Tiếng Anh du lịch 2
241	23/01/2026	412230107	23CNADL03	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
242	20/01/2026	412230122	23CNATM01	4121822	Kỹ năng tiếng C1.1
243	20/01/2026	412230127	23CNATM01	4121822	Kỹ năng tiếng C1.1
244	20/01/2026	412230127	23CNATM01	4123620	Biên dịch 1
245	20/01/2026	412230147	23CNATM01	4121822	Kỹ năng tiếng C1.1
246	20/01/2026	412230147	23CNATM01	4122243	Tiếng Anh thương mại 2
247	20/01/2026	412230147	23CNATM01	4123620	Biên dịch 1
248	20/01/2026	412230153	23CNATM01	4121832	Kỹ năng tiếng C1.2
249	20/01/2026	412230153	23CNATM01	4121832	Kỹ năng tiếng C1.2
250	20/01/2026	412230153	23CNATM01	4122243	Tiếng Anh thương mại 2
251	20/01/2026	412230167	23CNATM02	4123620	Biên dịch 1
252	22/01/2026	412230193	23CNATM02	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
253	20/01/2026	412230212	23CNATM03	4122223	Quản trị học
254	20/01/2026	412230212	23CNATM03	4122243	Tiếng Anh thương mại 2
255	20/01/2026	412230223	23CNATM03	4122223	Quản trị học
256	20/01/2026	412230223	23CNATM03	4122282	Phiên dịch 1
257	20/01/2026	412230223	23CNATM03	4123620	Biên dịch 1
258	20/01/2026	412230225	23CNATM03	4122223	Quản trị học
259	21/01/2026	412230232	23CNATM03	4121822	Kỹ năng tiếng C1.1
260	21/01/2026	412230232	23CNATM03	4122243	Tiếng Anh thương mại 2
261	21/01/2026	412230232	23CNATM03	4123620	Biên dịch 1
262	21/01/2026	412230245	23CNATM04	4123620	Biên dịch 1
263	20/01/2026	412230248	23CNATM04	4121822	Kỹ năng tiếng C1.1
264	21/01/2026	412230249	23CNATM04	4121822	Kỹ năng tiếng C1.1
265	21/01/2026	412230249	23CNATM04	4122282	Phiên dịch 1

266	20/01/2026	412230250	23CNATM04	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
267	23/01/2026	412230252	23CNATM04	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
268	20/01/2026	412230262	23CNATM04	4122223	Quản trị học
269	20/01/2026	412230262	23CNATM04	4122243	Tiếng Anh thương mại 2
270	20/01/2026	412230264	23CNATM04	4121822	Kỹ năng tiếng C1.1
271	20/01/2026	412230264	23CNATM04	4122223	Quản trị học
272	20/01/2026	412230264	23CNATM04	4123620	Biên dịch 1
273	20/01/2026	412230265	23CNATM04	4121822	Kỹ năng tiếng C1.1
274	20/01/2026	412230265	23CNATM04	4122223	Quản trị học
275	20/01/2026	412230265	23CNATM04	4122243	Tiếng Anh thương mại 2
276	22/01/2026	412230265	23CNATM04	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
277	21/01/2026	412230269	23CNATM04	4122223	Quản trị học
278	20/01/2026	412230274	23CNATM04	4122223	Quản trị học
279	20/01/2026	412230281	23CNATM04	4121822	Kỹ năng tiếng C1.1
280	20/01/2026	412230281	23CNATM04	4122223	Quản trị học
281	20/01/2026	412230281	23CNATM04	4122363	Thư tín thương mại
282	20/01/2026	412230281	23CNATM04	4123620	Biên dịch 1
283	20/01/2026	412230318	23CNATMĐT01	4121822	Kỹ năng tiếng C1.1
284	23/01/2026	411230632	23CNATT01	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
285	20/01/2026	416230017	23CNDPH01	4168070	Biên dịch chuyên ngành
286	22/01/2026	417230031	23CNH01	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
287	20/01/2026	417230037	23CNH01	4210703	Độc 5
288	20/01/2026	417230037	23CNH01	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
289	20/01/2026	417230089	23CNH03	4210593	Nghe 3
290	21/01/2026	417230109	23CNH03	4210713	Viết 5
291	21/01/2026	417230221	23CNJTM01	4170183	Nghe 5
292	22/01/2026	413230064	23CNPTTSK01	4131663	Tiếng Pháp báo chí truyền thông 1
293	22/01/2026	416230137	23CNQTH02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
294	22/01/2026	416230142	23CNQTH02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
295	22/01/2026	416230152	23CNQTH02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
296	22/01/2026	416230154	23CNQTH02	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
297	22/01/2026	416230156	23CNQTH02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
298	22/01/2026	416230158	23CNQTH02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
299	22/01/2026	416230161	23CNQTH02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

300	22/01/2026	416230169	23CNQTH03	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
301	22/01/2026	416230183	23CNQTH03	4163273	Nghiệp vụ công tác đối ngoại
302	22/01/2026	416230199	23CNQTH03	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
303	20/01/2026	415230123	23CNT02	4152482	Từ vựng tiếng Trung Quốc
304	20/01/2026	415230191	23CNT02	4152482	Từ vựng tiếng Trung Quốc
305	20/01/2026	415230016	23CNTTM01	4152482	Từ vựng tiếng Trung Quốc
306	20/01/2026	415230098	23CNTTM01	4154330	Viết sơ cấp
307	20/01/2026	415230120	23CNTTM01	4150312	Văn hoá Trung Quốc
308	20/01/2026	415230120	23CNTTM01	4152482	Từ vựng tiếng Trung Quốc
309	20/01/2026	415230120	23CNTTM01	4153562	Ngữ pháp tiếng Trung 1
310	20/01/2026	415230120	23CNTTM01	4154310	Biên dịch sơ cấp
311	20/01/2026	415230120	23CNTTM01	4154330	Viết sơ cấp
312	20/01/2026	415230120	23CNTTM01	4154950	Đọc cao cấp
313	20/01/2026	415230105	23CNTTM02	4154950	Đọc cao cấp
314	22/01/2026	415230137	23CNTTM02	2090200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
315	20/01/2026	419230025	23SPA01	3080080	Tâm lý học lứa tuổi sư phạm
316	22/01/2026	419230039	23SPP01	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
317	21/01/2026	411240003	24CNA01	4210922	Ngoại ngữ II.1 (Hàn Quốc)
318	21/01/2026	411240003	24CNA01	2090180	Triết học Mác - Lênin
319	20/01/2026	411240004	24CNA01	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
320	20/01/2026	411240006	24CNA01	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
321	20/01/2026	411240006	24CNA01	4115630	Tư duy phản biện
322	21/01/2026	411240020	24CNA01	2090180	Triết học Mác - Lênin
323	23/01/2026	411240021	24CNA01	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
324	21/01/2026	411240021	24CNA01	2090180	Triết học Mác - Lênin
325	23/01/2026	411240055	24CNA02	2090180	Triết học Mác - Lênin
326	20/01/2026	411240059	24CNA02	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
327	20/01/2026	411240059	24CNA02	2090180	Triết học Mác - Lênin
328	20/01/2026	411240075	24CNA02	2090180	Triết học Mác - Lênin
329	21/01/2026	411240080	24CNA03	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
330	21/01/2026	411240080	24CNA03	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
331	23/01/2026	411240081	24CNA03	4150662	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)
332	21/01/2026	411240081	24CNA03	4115630	Tư duy phản biện
333	21/01/2026	411240087	24CNA03	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao

334	21/01/2026	411240087	24CNA03	2090180	Triết học Mác - Lênin
335	20/01/2026	411240096	24CNA03	2090180	Triết học Mác - Lênin
336	22/01/2026	411240099	24CNA03	2090180	Triết học Mác - Lênin
337	20/01/2026	411240111	24CNA03	2090180	Triết học Mác - Lênin
338	23/01/2026	411240126	24CNA04	2090180	Triết học Mác - Lênin
339	23/01/2026	411240126	24CNA04	4115630	Tư duy phản biện
340	20/01/2026	411240128	24CNA04	2090180	Triết học Mác - Lênin
341	20/01/2026	411240147	24CNA04	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
342	20/01/2026	411240147	24CNA04	4150662	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)
343	23/01/2026	411240147	24CNA04	2090180	Triết học Mác - Lênin
344	21/01/2026	411240151	24CNA04	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
345	23/01/2026	411240154	24CNA04	4115630	Tư duy phản biện
346	21/01/2026	411240155	24CNA04	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
347	20/01/2026	411240165	24CNA05	4150662	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)
348	20/01/2026	411240165	24CNA05	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
349	20/01/2026	411240168	24CNA05	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
350	20/01/2026	411240168	24CNA05	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
351	20/01/2026	411240168	24CNA05	2090180	Triết học Mác - Lênin
352	20/01/2026	411240174	24CNA05	2090180	Triết học Mác - Lênin
353	20/01/2026	411240190	24CNA05	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
354	21/01/2026	411240217	24CNA06	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
355	21/01/2026	411240225	24CNA06	2090180	Triết học Mác - Lênin
356	22/01/2026	411240244	24CNA07	2090180	Triết học Mác - Lênin
357	23/01/2026	411240255	24CNA07	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
358	23/01/2026	411240280	24CNA08	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
359	23/01/2026	411240280	24CNA08	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
360	23/01/2026	411240282	24CNA08	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
361	23/01/2026	411240282	24CNA08	2090180	Triết học Mác - Lênin
362	23/01/2026	411240291	24CNA08	2090180	Triết học Mác - Lênin
363	23/01/2026	411240295	24CNA08	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
364	23/01/2026	411240298	24CNA08	2090180	Triết học Mác - Lênin
365	23/01/2026	411240298	24CNA08	4115630	Tư duy phản biện
366	22/01/2026	411240353	24CNA10	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
367	22/01/2026	411240353	24CNA10	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao

368	22/01/2026	411240353	24CNA10	4115630	Tư duy phản biện
369	20/01/2026	411240373	24CNA10	2090180	Triết học Mác - Lênin
370	23/01/2026	411240379	24CNA10	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
371	20/01/2026	411240380	24CNA10	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
372	21/01/2026	411240380	24CNA10	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
373	23/01/2026	411240380	24CNA10	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
374	21/01/2026	411240393	24CNA11	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
375	21/01/2026	411240393	24CNA11	2090180	Triết học Mác - Lênin
376	21/01/2026	411240393	24CNA11	4115630	Tư duy phản biện
377	20/01/2026	411240394	24CNA11	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
378	20/01/2026	411240394	24CNA11	2090180	Triết học Mác - Lênin
379	20/01/2026	411240403	24CNA11	2090180	Triết học Mác - Lênin
380	20/01/2026	411240419	24CNA11	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
381	20/01/2026	411240420	24CNA11	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
382	20/01/2026	411240420	24CNA11	2090180	Triết học Mác - Lênin
383	23/01/2026	411240423	24CNA11	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
384	23/01/2026	411240423	24CNA11	4115630	Tư duy phản biện
385	23/01/2026	411240443	24CNA12	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
386	23/01/2026	411240445	24CNA12	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
387	23/01/2026	411240446	24CNA12	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
388	23/01/2026	411240455	24CNA12	2090180	Triết học Mác - Lênin
389	22/01/2026	411240457	24CNA12	2090180	Triết học Mác - Lênin
390	21/01/2026	411240474	24CNA13	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
391	20/01/2026	411240474	24CNA13	2090180	Triết học Mác - Lênin
392	21/01/2026	411240477	24CNA13	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
393	21/01/2026	411240477	24CNA13	2090180	Triết học Mác - Lênin
394	21/01/2026	411240477	24CNA13	4115630	Tư duy phản biện
395	20/01/2026	411240502	24CNA14	4115630	Tư duy phản biện
396	20/01/2026	411240509	24CNA14	2090180	Triết học Mác - Lênin
397	20/01/2026	411240511	24CNA14	2090180	Triết học Mác - Lênin
398	20/01/2026	411240517	24CNA14	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
399	20/01/2026	411240517	24CNA14	4150662	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)
400	20/01/2026	411240517	24CNA14	4115630	Tư duy phản biện
401	20/01/2026	411240519	24CNA14	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ

402	20/01/2026	411240519	24CNA14	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
403	20/01/2026	411240519	24CNA14	4150662	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)
404	20/01/2026	411240519	24CNA14	2090180	Triết học Mác - Lênin
405	20/01/2026	411240519	24CNA14	4115630	Tư duy phản biện
406	20/01/2026	411240558	24CNA15	4111891	Kỹ năng tiếng B2.2
407	23/01/2026	411240558	24CNA15	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
408	23/01/2026	411240567	24CNA15	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
409	23/01/2026	411240569	24CNA15	4112782	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao
410	20/01/2026	412240004	24CNADL01	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
411	20/01/2026	412240004	24CNADL01	4150662	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)
412	20/01/2026	412240004	24CNADL01	4123023	Kỹ năng tiếng B2.1
413	20/01/2026	412240005	24CNADL01	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
414	20/01/2026	412240005	24CNADL01	4123023	Kỹ năng tiếng B2.1
415	21/01/2026	412240012	24CNADL01	2090180	Triết học Mác - Lênin
416	20/01/2026	412240019	24CNADL01	2090180	Triết học Mác - Lênin
417	20/01/2026	412240041	24CNADL01	4122543	Tâm lý khách du lịch
418	20/01/2026	412240043	24CNADL02	4210922	Ngoại ngữ II.1 (Hàn Quốc)
419	20/01/2026	412240043	24CNADL02	4123023	Kỹ năng tiếng B2.1
420	20/01/2026	412240046	24CNADL02	4122922	Kỹ năng tiếng B2.2
421	20/01/2026	412240046	24CNADL02	4122922	Kỹ năng tiếng B2.2
422	20/01/2026	412240046	24CNADL02	2090180	Triết học Mác - Lênin
423	20/01/2026	412240047	24CNADL02	2090180	Triết học Mác - Lênin
424	20/01/2026	412240058	24CNADL02	4122922	Kỹ năng tiếng B2.2
425	20/01/2026	412240058	24CNADL02	4122922	Kỹ năng tiếng B2.2
426	20/01/2026	412240058	24CNADL02	2090180	Triết học Mác - Lênin
427	20/01/2026	412240060	24CNADL02	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
428	20/01/2026	412240060	24CNADL02	2090180	Triết học Mác - Lênin
429	20/01/2026	412240067	24CNADL02	4123023	Kỹ năng tiếng B2.1
430	20/01/2026	412240067	24CNADL02	2090180	Triết học Mác - Lênin
431	21/01/2026	412240070	24CNADL02	4123023	Kỹ năng tiếng B2.1
432	21/01/2026	412240070	24CNADL02	2090180	Triết học Mác - Lênin
433	20/01/2026	412240078	24CNADL02	2090180	Triết học Mác - Lênin
434	20/01/2026	412240079	24CNADL02	4150662	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)
435	21/01/2026	412240079	24CNADL02	2090180	Triết học Mác - Lênin

436	20/01/2026	412240081	24CNADL02	4150662	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)
437	20/01/2026	412240081	24CNADL02	4122922	Kỹ năng tiếng B2.2
438	20/01/2026	412240081	24CNADL02	4122922	Kỹ năng tiếng B2.2
439	21/01/2026	412240081	24CNADL02	2090180	Triết học Mác - Lênin
440	22/01/2026	411240309	24CNADL03	4123023	Kỹ năng tiếng B2.1
441	20/01/2026	412230086	24CNADL03	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
442	20/01/2026	412230086	24CNADL03	4122473	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch
443	22/01/2026	412230086	24CNADL03	4123023	Kỹ năng tiếng B2.1
444	20/01/2026	412240086	24CNADL03	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
445	20/01/2026	412240086	24CNADL03	4122922	Kỹ năng tiếng B2.2
446	20/01/2026	412240086	24CNADL03	4122922	Kỹ năng tiếng B2.2
447	20/01/2026	412240087	24CNADL03	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
448	20/01/2026	412240087	24CNADL03	2090180	Triết học Mác - Lênin
449	20/01/2026	412240089	24CNADL03	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
450	20/01/2026	412240089	24CNADL03	4122922	Kỹ năng tiếng B2.2
451	20/01/2026	412240089	24CNADL03	4122922	Kỹ năng tiếng B2.2
452	20/01/2026	412240089	24CNADL03	2090180	Triết học Mác - Lênin
453	21/01/2026	412240105	24CNADL03	2090180	Triết học Mác - Lênin
454	22/01/2026	412240110	24CNADL03	2090180	Triết học Mác - Lênin
455	21/01/2026	412240118	24CNADL03	4123023	Kỹ năng tiếng B2.1
456	20/01/2026	412240122	24CNADL03	2090180	Triết học Mác - Lênin
457	20/01/2026	412240129	24CNATM01	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
458	20/01/2026	412240129	24CNATM01	4122213	Marketing căn bản
459	20/01/2026	412240129	24CNATM01	4122913	Kỹ năng tiếng B2.1
460	20/01/2026	412240129	24CNATM01	2090180	Triết học Mác - Lênin
461	22/01/2026	412240131	24CNATM01	2090180	Triết học Mác - Lênin
462	22/01/2026	412240135	24CNATM01	2090180	Triết học Mác - Lênin
463	22/01/2026	412240144	24CNATM01	2090180	Triết học Mác - Lênin
464	21/01/2026	412240147	24CNATM01	4122213	Marketing căn bản
465	21/01/2026	412240147	24CNATM01	4122913	Kỹ năng tiếng B2.1
466	21/01/2026	412240147	24CNATM01	2090180	Triết học Mác - Lênin
467	23/01/2026	412240155	24CNATM01	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
468	20/01/2026	412240166	24CNATM01	2090180	Triết học Mác - Lênin
469	21/01/2026	412240167	24CNATM02	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ

470	22/01/2026	412240168	24CNATM02	4150662	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)
471	22/01/2026	412240168	24CNATM02	4122213	Marketing căn bản
472	20/01/2026	412240171	24CNATM02	4122213	Marketing căn bản
473	20/01/2026	412240173	24CNATM02	2090180	Triết học Mác - Lênin
474	20/01/2026	412240175	24CNATM02	2090180	Triết học Mác - Lênin
475	21/01/2026	412240177	24CNATM02	2090180	Triết học Mác - Lênin
476	20/01/2026	412240179	24CNATM02	2090180	Triết học Mác - Lênin
477	21/01/2026	412240183	24CNATM02	4122213	Marketing căn bản
478	20/01/2026	412240184	24CNATM02	2090180	Triết học Mác - Lênin
479	20/01/2026	412240185	24CNATM02	2090180	Triết học Mác - Lênin
480	20/01/2026	412240186	24CNATM02	4122213	Marketing căn bản
481	20/01/2026	412240211	24CNATM03	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
482	20/01/2026	412240211	24CNATM03	4122913	Kỹ năng tiếng B2.1
483	21/01/2026	412240213	24CNATM03	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
484	20/01/2026	412240213	24CNATM03	2090180	Triết học Mác - Lênin
485	20/01/2026	412240216	24CNATM03	2090180	Triết học Mác - Lênin
486	20/01/2026	412240217	24CNATM03	2090180	Triết học Mác - Lênin
487	20/01/2026	412240218	24CNATM03	2090180	Triết học Mác - Lênin
488	20/01/2026	412240219	24CNATM03	2090180	Triết học Mác - Lênin
489	22/01/2026	412240223	24CNATM03	2090180	Triết học Mác - Lênin
490	21/01/2026	412240224	24CNATM03	2090180	Triết học Mác - Lênin
491	20/01/2026	412240228	24CNATM03	2090180	Triết học Mác - Lênin
492	22/01/2026	412240229	24CNATM03	2090180	Triết học Mác - Lênin
493	21/01/2026	412240230	24CNATM03	2090180	Triết học Mác - Lênin
494	20/01/2026	412240244	24CNATM03	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
495	20/01/2026	412240252	24CNATM04	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
496	20/01/2026	412240252	24CNATM04	4122213	Marketing căn bản
497	20/01/2026	412240252	24CNATM04	2090180	Triết học Mác - Lênin
498	20/01/2026	412240265	24CNATM04	4122213	Marketing căn bản
499	21/01/2026	412240265	24CNATM04	4122913	Kỹ năng tiếng B2.1
500	20/01/2026	412240270	24CNATM04	4122213	Marketing căn bản
501	20/01/2026	412240271	24CNATM04	4122213	Marketing căn bản
502	20/01/2026	412240271	24CNATM04	4122913	Kỹ năng tiếng B2.1
503	20/01/2026	412240273	24CNATM04	4122213	Marketing căn bản

504	20/01/2026	412240273	24CNATM04	2090180	Triết học Mác - Lênin
505	20/01/2026	412240274	24CNATM04	2090180	Triết học Mác - Lênin
506	20/01/2026	412240275	24CNATM04	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
507	20/01/2026	412240275	24CNATM04	4122913	Kỹ năng tiếng B2.1
508	20/01/2026	412240275	24CNATM04	4122922	Kỹ năng tiếng B2.2
509	20/01/2026	412240275	24CNATM04	4122922	Kỹ năng tiếng B2.2
510	20/01/2026	412240275	24CNATM04	2090180	Triết học Mác - Lênin
511	21/01/2026	412240277	24CNATM04	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
512	21/01/2026	412240279	24CNATM04	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
513	20/01/2026	412240286	24CNATM04	4150662	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)
514	23/01/2026	412240287	24CNATM04	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
515	21/01/2026	412240288	24CNATM04	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
516	20/01/2026	412240290	24CNATM04	4122213	Marketing căn bản
517	20/01/2026	412240305	24CNATMĐT01	2090180	Triết học Mác - Lênin
518	20/01/2026	412240328	24CNATMĐT01	2090180	Triết học Mác - Lênin
519	20/01/2026	411240578	24CNATT01	2090180	Triết học Mác - Lênin
520	20/01/2026	411240581	24CNATT01	2090180	Triết học Mác - Lênin
521	20/01/2026	411240591	24CNATT01	2090180	Triết học Mác - Lênin
522	23/01/2026	411240628	24CNATT02	2090180	Triết học Mác - Lênin
523	20/01/2026	411240635	24CNATT02	2090180	Triết học Mác - Lênin
524	21/01/2026	411240638	24CNATT02	4131032	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Pháp)
525	20/01/2026	411240643	24CNATT02	3140010	Dẫn luận ngôn ngữ
526	20/01/2026	416240125	24CNDPH01	3140020	Cơ sở văn hóa Việt Nam
527	20/01/2026	416240125	24CNDPH01	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
528	20/01/2026	416240126	24CNDPH01	4163103	Văn bản hành chính
529	20/01/2026	416240139	24CNDPH01	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
530	20/01/2026	416240143	24CNDPH01	4210932	Ngoại ngữ II.2 (Hàn Quốc)
531	20/01/2026	416240150	24CNDPH01	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
532	20/01/2026	416240157	24CNDPH02	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
533	20/01/2026	416240157	24CNDPH02	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
534	20/01/2026	416240163	24CNDPH02	4163093	Nhập môn Đông phương học
535	20/01/2026	416240163	24CNDPH02	4163133	Kinh tế học đại cương
536	20/01/2026	416240163	24CNDPH02	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
537	20/01/2026	416240173	24CNDPH02	4163103	Văn bản hành chính

538	20/01/2026	416240173	24CNDPH02	4163172	Khu vực học đại cương
539	20/01/2026	416240173	24CNDPH02	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
540	21/01/2026	416240177	24CNDPH02	4163172	Khu vực học đại cương
541	20/01/2026	421240005	24CNH01	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
542	20/01/2026	421240017	24CNH01	3140020	Cơ sở văn hóa Việt Nam
543	20/01/2026	421240017	24CNH01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
544	20/01/2026	421240017	24CNH01	4214760	Viết 3
545	20/01/2026	421240049	24CNH02	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
546	20/01/2026	421240050	24CNH02	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
547	20/01/2026	421240056	24CNH02	4214760	Viết 3
548	23/01/2026	421240065	24CNH02	3140020	Cơ sở văn hóa Việt Nam
549	21/01/2026	421240115	24CNHQH01	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
550	22/01/2026	421240115	24CNHQH01	4215070	Tiếng Hàn B1.1 (Từ vựng - ngữ pháp)
551	20/01/2026	421240126	24CNHTT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
552	20/01/2026	421240128	24CNHTT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
553	20/01/2026	421240128	24CNHTT01	4210603	Nói 3
554	20/01/2026	421240128	24CNHTT01	4214770	Đọc 3
555	22/01/2026	421240130	24CNHTT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
556	20/01/2026	421240132	24CNHTT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
557	20/01/2026	421240136	24CNHTT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
558	20/01/2026	421240137	24CNHTT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
559	20/01/2026	421240137	24CNHTT01	4210603	Nói 3
560	20/01/2026	421240144	24CNHTT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
561	20/01/2026	421240144	24CNHTT01	4210603	Nói 3
562	20/01/2026	421240144	24CNHTT01	4214770	Đọc 3
563	20/01/2026	421240144	24CNHTT01	4215710	Kỹ năng tin học văn phòng cơ bản (Hocom + Office)
564	21/01/2026	421240153	24CNHTT01	4150672	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)
565	21/01/2026	421240153	24CNHTT01	4210603	Nói 3
566	21/01/2026	421240161	24CNHTT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
567	21/01/2026	417240011	24CNJ01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
568	20/01/2026	417240111	24CNJ02	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
569	21/01/2026	417240037	24CNJTM01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
570	21/01/2026	417240037	24CNJTM01	4170113	Đọc 3
571	22/01/2026	413240059	24CNPDL01	4131422	Tiếng Pháp 3C

572	21/01/2026	415240008	24CNT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
573	20/01/2026	415240018	24CNT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
574	23/01/2026	415240021	24CNT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
575	22/01/2026	415240028	24CNT01	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
576	21/01/2026	415240036	24CNT02	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
577	20/01/2026	415240040	24CNT02	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
578	21/01/2026	415240041	24CNT02	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
579	21/01/2026	415240041	24CNT02	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
580	20/01/2026	415240061	24CNT02	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
581	22/01/2026	415240061	24CNT02	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
582	20/01/2026	415240075	24CNT03	2120070	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
583	20/01/2026	415240085	24CNT03	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
584	20/01/2026	415240157	24CNT05	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
585	20/01/2026	415240157	24CNT05	4154110	Nghe trung cấp
586	23/01/2026	415240161	24CNT05	2120020	Tư tưởng Hồ Chí Minh
587	20/01/2026	422240004	24CNTL01	2090211	Chủ nghĩa xã hội khoa học
588	21/01/2026	419240049	24SPP01	4191033	Tiếng Pháp 3B
589	20/01/2026	419240055	24SPT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
590	21/01/2026	419240063	24SPT01	4121712	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)
591	20/01/2026	413240020	25CNP01	2090180	Triết học Mác - Lênin